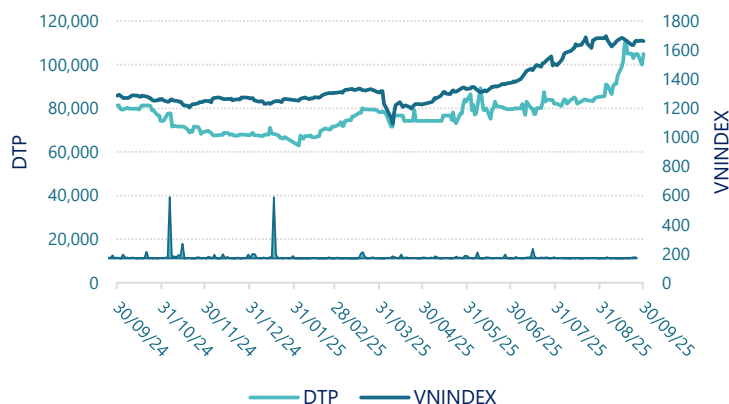


CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội (UPCOM: DTP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	104,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	110,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	62,873
SL cổ phiếu LH	32,458,084
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,630
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,405
P/E	12.8
EPS	8,206

DT thuần

Q3/25

417

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 23.0 | 5.9%

YoY: ▲ 107 | 34.6%

LN sau thuế

Q3/25

99.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 35.3 | 55.3%

YoY: ▲ 28.9 | 41.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

26.0%

+/- YoY: ▲ 1.6%

DT thuần

9T 2025

1,141

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 246 | 27.5%

LN sau thuế

9T 2025

222

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 29.0 | 15.1%

ROE

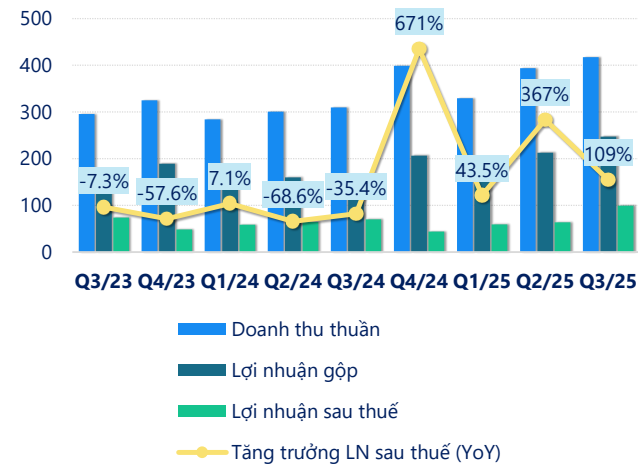
Q3/25

25.7%

+/- YoY: ▼ 3.3%

tỷ VNĐ

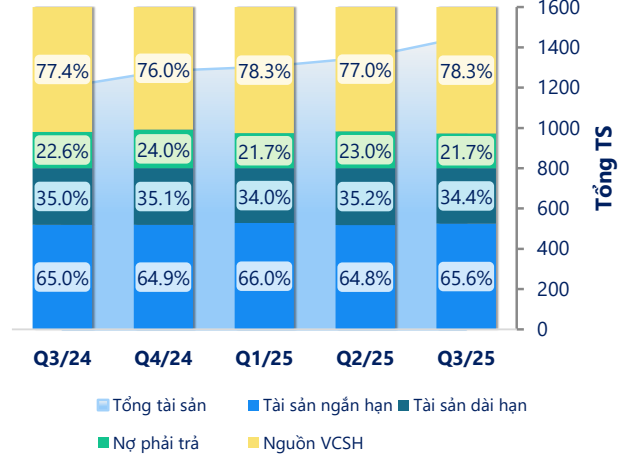
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

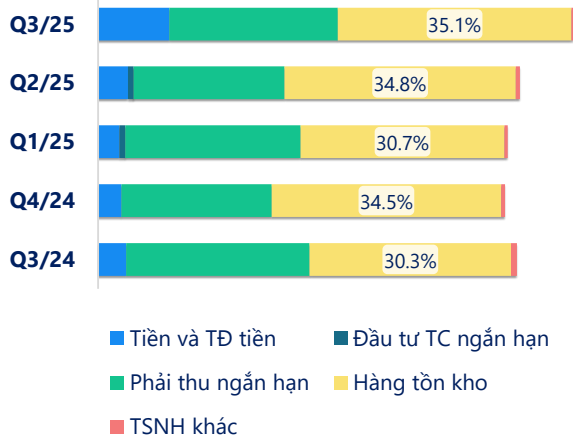
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



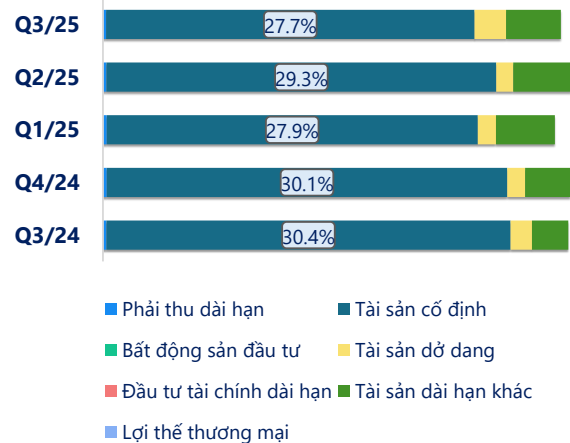
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

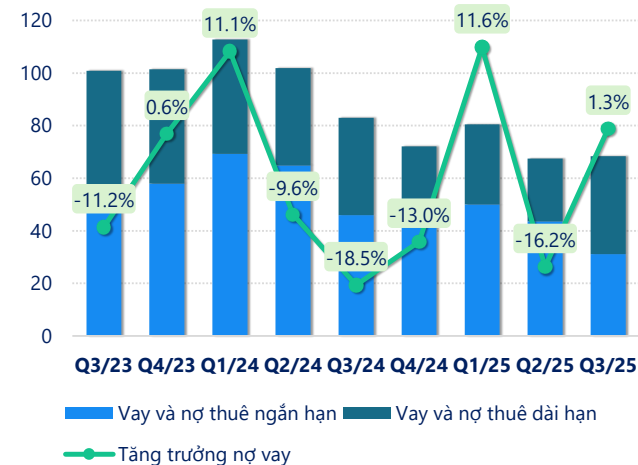
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

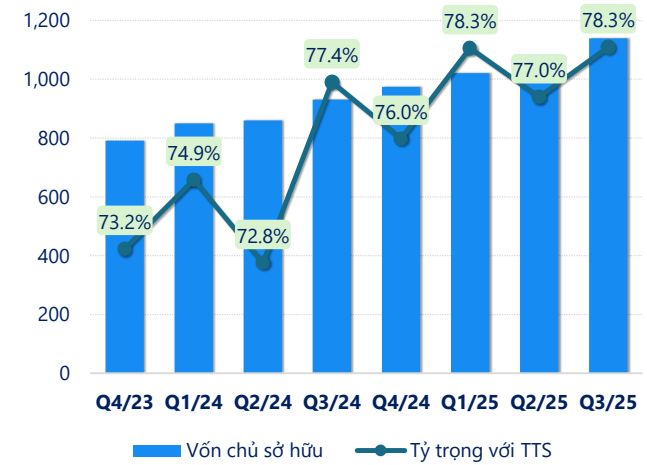
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

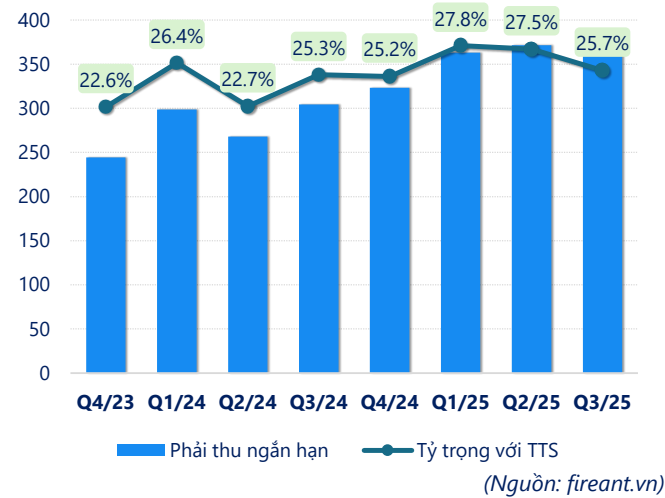
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

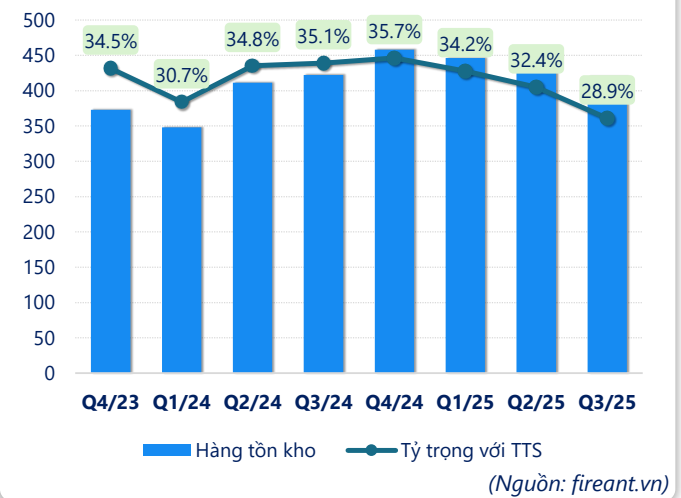


(Nguồn: fireant.vn)

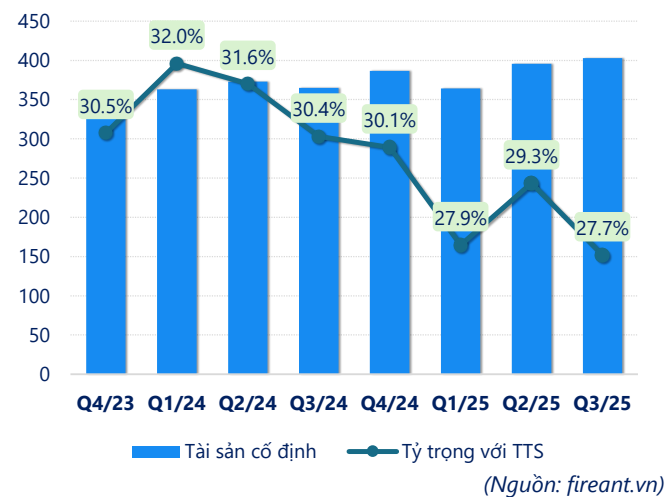
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


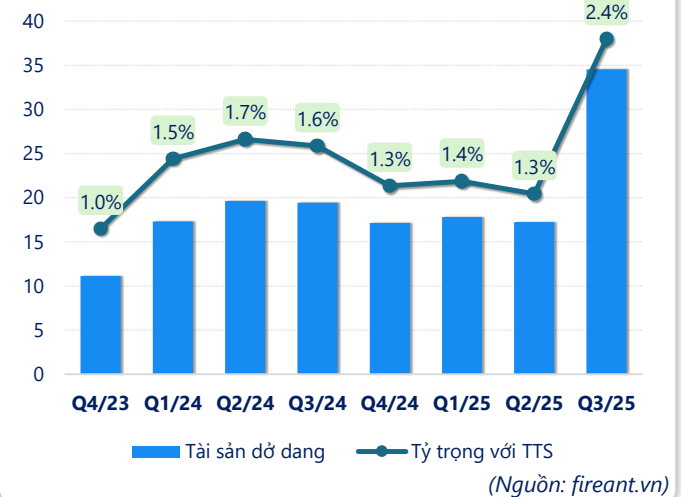
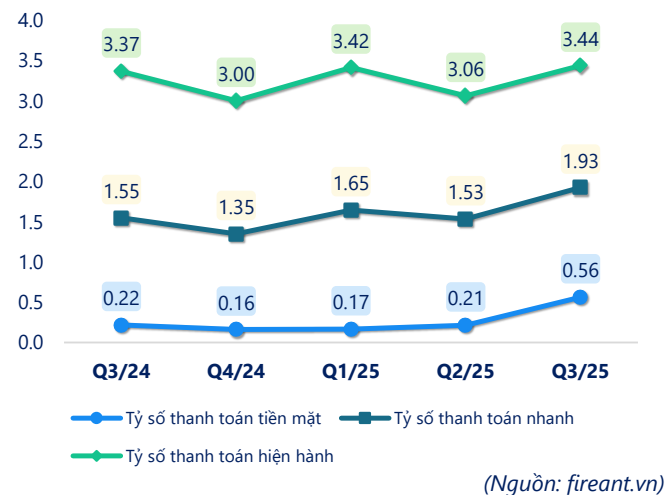
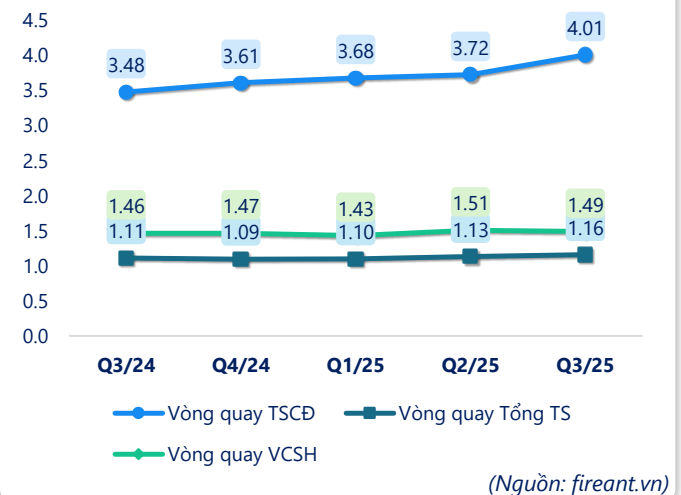
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,201	1,283	1,304	1,350	1,454
Tài sản ngắn hạn	781	832	861	874	953
Tiền và tương đương tiền	50.9	44.8	41.9	60.9	156
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	5.00	0	0
Phải thu ngắn hạn	305	323	363	372	374
Hàng tồn kho	422	458	446	437	420
Tài sản ngắn hạn khác	3.43	5.56	4.82	4.73	3.66
Tài sản dài hạn	421	451	443	475	501
Phải thu dài hạn	3.17	3.58	3.56	3.54	3.52
Tài sản cố định	365	387	364	396	403
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	19.4	17.1	17.8	17.2	34.5
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	32.9	43.5	57.6	58.8	59.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	271	308	283	310	315
Nợ ngắn hạn	232	277	252	285	277
Vay và nợ thuê ngắn hạn	46.0	41.7	50.1	43.5	31.1
Phải trả người bán ngắn hạn	81.6	80.2	86.0	41.0	67.7
Nợ dài hạn	39.3	31.1	31.1	24.6	38.1
Vay và nợ thuê dài hạn	37.0	30.5	30.5	23.9	37.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	930	975	1,021	1,040	1,139
Vốn chủ sở hữu	930	975	1,021	1,040	1,139
Vốn điều lệ	162	162	162	325	325
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)